

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015
thành phố Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của HĐND thành phố Thái Nguyên khoá XVII, kỳ họp thứ 10 về việc phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014; nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của HĐND thành phố Thái Nguyên khoá XVII, kỳ họp thứ 10 về việc phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2015 thành phố Thái Nguyên;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu chi ngân sách năm 2015 cho các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể, UBND các phường, xã thành phố Thái Nguyên.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể; Chủ tịch UBND các phường, xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND thành phố; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể; Chủ tịch UBND các phường, xã của thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *evr*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Như điều 3;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TCKH.

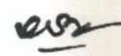
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Văn Tuấn

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số **3437/QĐ-UBND** ngày **30** tháng 12 năm 2014 của UBND TPTN)

TT	Chỉ tiêu	Dự toán tỉnh giao	Dự toán TP giao	Ghi chú
	Tổng thu NSNN (A+B)	860.450.000	1.000.000.000	
A	Thu trong cân đối (I+II)	860.450.000	996.000.000	
I	Thu thuế, phí, khác (1+...+10)	597.450.000	646.000.000	
1	Thuế xây dựng ngoại tỉnh	8.000.000	22.000.000	
2	Thuế NQD	353.200.000	366.511.000	
3	Thuế nông nghiệp		89.000	
4	Thuế SD đất phi NN	10.830.000	11.000.000	
5	Lệ phí trước bạ	118.520.000	120.000.000	
6	Thu tiền cho thuê đất	25.500.000	30.000.000	
7	Thuê, bán nhà SHNN	400.000	400.000	
8	Thuế thu nhập cá nhân	32.000.000	37.000.000	
9	Thu phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000	
10	Thu khác ngân sách	43.000.000	53.000.000	
	Trong đó: Thu phạt ATGT	20.000.000	30.000.000	
II	Thu tiền SD đất	263.000.000	350.000.000	
1	Thu tiền sử dụng đất		200.000.000	
2	Ghi thu từ các dự án XD KDC		150.000.000	
B	Thu quản lý qua ngân sách (học phí)		4.000.000	
C	Thu NSTP được hưởng (I+II)	906.893.000	1.033.742.000	
I	Thu trong cân đối (1+...4)	906.893.000	1.029.742.000	
1	Thu theo tỷ lệ điều tiết	811.629.000	934.478.000	
1.1	Thuế xây dựng ngoại tỉnh		22.000.000	
1.2	Thuế NQD		366.225.000	
1.3	Thuế nông nghiệp		89.000	
1.4	Thuế SD đất phi NN		11.000.000	
1.5	Lệ phí trước bạ		120.000.000	





1.6	Thu tiền cho thuê đất		30.000.000	
1.7	Thuế, bán nhà SHNN		400.000	
1.8	Thuế thu nhập cá nhân		24.264.000	
1.9	Thu phí, lệ phí		6.000.000	
1.10	Thu khác ngân sách		24.500.000	
1.11	Thu tiền sử dụng đất		330.000.000	
2	NS tính cấp trả phí BVMT khai thác khoáng sản	14.500.000	14.500.000	
3	Bổ sung cân đối từ NS cấp trên	2.736.000	2.736.000	
4	Nguồn tự đảm bảo CCTL	78.028.000	78.028.000	
II	Thu quản lý qua ngân sách (học phí)		4.000.000	

Ghi chú:

Chỉ tiêu thu phạt ATGT tạm tính số được trích lại là 1.500 triệu đồng, bố trí kế hoạch chi cho sự nghiệp KTKT đảm bảo ATGT theo quy định.

vev



Phụ biểu số 15

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 1573/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của UBND TPTN)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Dự kiến Dự toán tỉnh giao	Dự kiến Dự toán TP giao	Ghi chú
	TỔNG CHI NSNN (A+B)	906.893.000	1.033.742.000	
A	Chi trong cân đối (I+...IV)	906.893.000	1.029.742.000	
I	Chi thường xuyên (1+ ...+ 11)	581.165.000	608.492.000	
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	305.779.000	305.779.000	
	- Sự nghiệp giáo dục		302.229.000	
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		3.550.000	
2	Chi sự nghiệp y tế		962.000	
3	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể		63.645.000	
4	Chi SN văn hoá, thông tin, thể thao		6.355.000	
5	Chi SN phát thanh truyền hình		3.815.000	
6	Chi đảm bảo xã hội		20.000.000	
7	Chi an ninh - quốc phòng		4.800.000	
	- Quốc phòng		2.800.000	
	- An ninh		2.000.000	
8	Chi SN kiến thiết kinh tế		28.151.000	
	- Sự nghiệp nông nghiệp		7.000.000	
	- Sự nghiệp chợ & khuyến công		2.000.000	
	- Sự nghiệp địa chính và q.lý đất đai		2.000.000	
	- Văn phòng đăng ký QSD đất		441.000	
	- Trung tâm phát triển quỹ đất		545.000	
	- Đội QL trật tự XD và GT		1.715.000	
	- Ban quản lý các dự án ĐT & XD		660.000	
	- Ban quản lý dịch vụ công ích		990.000	
	- Tiểu ban chuẩn bị dự án nâng cấp đô thị các tỉnh miền núi phía Bắc		700.000	
	- Sự nghiệp KTKT khác		12.100.000	



9	Chi sự nghiệp môi trường và đô thị		70.000.000	
	- SN môi trường		35.000.000	Tr. đó chi từ nguồn thu phí BVMT được cấp tính cấp trả: 14.500 trđ
	- SN đô thị		35.000.000	
10	Chi khác Ngân sách		3.000.000	
11	Chi ngân sách xã		101.985.000	
II	Dự phòng ngân sách	11.000.000	12.000.000	
III	Chi đầu tư XDCB	236.700.000	324.000.000	
1	Chi XDCB từ thu tiền SD đất		174.000.000	Thu tiền SDD điều tiết về tỉnh 20 tỷ, bố trí 6 tỷ cho c.tác QH
2	Ghi chi từ các dự án xây dựng KDC		150.000.000	
IV	Nguồn tự đảm bảo CC tiền lương	78.028.000	85.250.000	Dành 50% tăng thu dự toán TP so với tình giao để CCTL: 14.222trđ; giảm trừ 7.000trđ t/hiện QĐ 04
B	Chi quản lý qua ngân sách (Ghi chi học phí)		4.000.000	

Ghi chú:

1. Phí bảo vệ môi trường 14. 500 triệu đồng được bố trí chi cho SN môi trường. Số chi trong năm được tính theo số thực tế được tính cấp trả.
2. Chi tiêu thu phạt ATGT tạm tính số được trích lại là 1.500 triệu đồng, bố trí chi cho sự nghiệp KTKT đảm bảo ATGT theo quy định. Số chi trong năm được tính theo số thực tế được trích lại.